

CHUYÊN ĐỀ 2: THỂ BỊ ĐỘNG (PASSIVE VOICE)

I. Choose the letter A, B, C, D to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 1. This house _____ in 1990 by my grandfather.

- A. is built B. was built C. built D. has built

Question 2. My sister is going _____ this house.

- A. sold B. sell C. to be sold D. to sell

Question 3. There's a man behind us. I think we are _____.

- A. being followed B. be followed C. followed D. following

Question 4. Over 1000 new houses _____ every year. Last year, 1200 new houses _____.

- A. were built/ were built B. are built/ were built
C. are building / were built D. were built/ were being built

Question 5. The next exam _____ in May.

- A. will hold B. will be held C. will be holding D. will have held

Question 6. English is _____ all over the world.

- A. spoken B. speak C. speaks D. to speak

Question 7. Have you _____ by a dog?

- A. ever bite B. ever bitten C. ever been bitten D. ever been bite

Question 8. The house _____ since last week.

- A. bought B. has bought C. was bought D. has been bought

Question 9. The homework _____ by Nam every day.

- A. is done B. does C. are done D. did

Question 10. These exercises must _____ by my students.

- A. are finished B. finish C. be finished D. finishing

II. Choose the letter A, B, C, or D to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions.

Question 11. We should send their complaints to the boss.

- A. Complaints should sent to the boss.
B. Complaints should be sent to the boss,
C. Their complaints should be sent to the boss.
D. Their complaints to the boss should be sent.

Question 12. They will give you a lot of questions at the interview.

- A. You will be given a lot of questions at the interview.
B. You will given a lot of questions at the interview.
C. A lot of questions will be given you at the interview.
D. A lot of questions will be given at the interview.

Question 13. Nobody told me that Tim was ill.

- A. I was told that Tim wasn't ill.
B. I wasn't told that Tim was ill.

- C. Tim wasn't told to be ill.
- D. Tim was told not to be ill.

Question 14. We will send you the results soon.

- A. You will be sent to the results soon.
- B. You will send the results soon.
- C. The results will be sent you soon.
- D. The results will be sent to you soon.

Question 15. My sister can sing English songs well.

- A. My sister can sing English songs better than me.
- B. English songs can are sung well by my sister.
- C. English songs can be sung well by my sister.
- D. English songs can sung well by my sister.

III. Rewrite the sentences in passive voice.

Question 16. I clean the floor every day.

Question 17. My mother bought this dress this morning.

Question 18. She did this exercise two days ago.

Question 19. They will send him abroad to study.

Question 20. She used this room.

Question 21. Someone, stole my bike yesterday.

Question 22. He received a letter from his parents.

Question 23. She will buy this house.

Question 24. They aren't building my house.

Question 25. You mustn't sing songs in the class.

C.**KIẾN THỨC TRỌNG TÂM CẦN GHI NHỚ****◆ The passive voice (Thể bị động)****1. Cấu trúc (Form)**

Chủ động: S + V + O

Bị động: S + be + PP + (by O)

*** Các bước để chuyển từ câu chủ động sang câu bị động**

a. Xác định S, V, O và thì của V trong câu chủ động.

b. Lấy O trong câu chủ động làm S của câu bị động.

c. Lấy S trong câu chủ động làm O và đặt sau **by** trong câu bị động.

d. Biến đổi V chính trong câu chủ động thành PP (Past Participle) trong câu bị động.

e. Thêm **To be** vào trước PP trong câu bị động (**To be** phải chia theo thời của V chính trong câu chủ động và chia theo số của S trong câu bị động).

Trong câu bị động **by + O** luôn đứng sau *adverbs of place* (trạng từ chỉ nơi chốn) và đứng trước *adverbs of time* (trạng từ chỉ thời gian).

Trong câu bị động, có thể bỏ: *by people, by us, by them, by someone, by him, by her....*

2. Cấu trúc bị động với các thì cơ bản

Tense (Thì)	Active (Chủ động)	Passive (Bị động)
1. Hiện tại đơn	S + V(s/es) + O E.g: I do my homework every evening.	S (O) + is/am/are + P.P + {by + O (s)} → My homework is done every evening.
2. Hiện tại tiếp diễn	S + is/am/are + V-ing + O E.g: He is reading books now.	S (O) + is/am/are + being + PP + {by + O (s)} → Ex: Books are being read (by him) now.
3. Quá khứ đơn	S + V-ed/V ₂ + O E.g: She wrote a letter yesterday.	S (O) + was/were + PP + {by + O (s)} → A letter was written (by her) yesterday.

4. Quá khứ tiếp diễn	S + was/were + V-ing + O E.g: They were doing the housework at 9 am yesterday.	S (O) + was/were + being + PP + {by + O (s)} → The housework was being done at 9 am yesterday.
5. Hiện tại hoàn thành	S + have/ has + PP + O E.g: My parents have given me a new computer.	S (O) + have/ has + been + PP + {by + O (s)} → I have been given a new computer by my parents. <i>Hoặc</i> A new computer has been given to me by my parents.
6. Tương lai đơn	S + will + V(nguyên thể) + O E.g: She will meet him tomorrow.	S (O) + will + be + PP + {by + O (s)} → He will be met tomorrow.
7. Tương lai gần	S + is/ am/ are + going to + V (bare-inf) + O E.g: I am going to buy this house.	S (O) + is/ am/ are + going to + be + PP + {by + O (s)} → This house is going to be bought
8. Modal verbs (Động từ khuyết thiếu)	S + Modal Verbs (can, could, may, might,...) + V (bare-inf) + O E.g: They should do these exercises.	S (O) + Modal Verbs (can, could, may, might,...) + be + PP + {by + O (s)} → These exercises should be done.